

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU**

Số: 23 /2017/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tân Châu, ngày 20 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách huyện năm 2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 277/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Châu về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách huyện năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách huyện năm 2018, cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản ngân sách huyện năm 2018 trên địa bàn huyện là 39,14 triệu đồng (trong đó, nguồn thu tiền sử dụng đất là 8,47 triệu đồng), bố trí vốn cho 45 công trình (25 công trình chuyển tiếp, 09 công trình nông thôn mới đối ứng tỉnh và 11 công trình khởi công mới). Bao gồm: (Kèm phụ lục chi tiết)

- | | |
|--|-----------------|
| - Vốn đầu tư cho giáo dục (03 công trình): | 03 tỷ đồng. |
| - Đối ứng xây dựng nông thôn mới (28 công trình): | 4,6 tỷ đồng. |
| - Vốn các công trình ngành khác (14 công trình): | 24,349 tỷ đồng. |
| - Dự phòng và đối ứng công trình sẵn sàng chiến đấu: | 3,171 tỷ đồng. |
| - Vốn chuẩn bị đầu tư: | 0,6 tỷ đồng. |
| - Vốn tạo quỹ phát triển quỹ đất: | 2,42 tỷ đồng. |
| - Vốn phân cấp đầu tư cho Thị trấn: | 01 tỷ đồng. |

2. Trong quá trình điều hành, Ủy ban nhân dân huyện căn cứ tình hình thực tế của địa phương để thực hiện:

- Phân khai chi tiết các nguồn vốn cho từng dự án, công trình cụ thể.
- Điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các dự án có khối lượng thực hiện thấp hơn kế hoạch được giao cho dự án có khối lượng thực hiện cao hơn so kế hoạch vốn giao.

- Báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân huyện bổ sung các dự án trọng điểm bức xúc, cấp bách để triển khai thực hiện.

- Huy động, vận động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện các dự án khi có nhu cầu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tân Châu Khóa VI, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh Tây Ninh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- ĐB. HĐND tỉnh đơn vị TC;
- Sở Tư pháp;
- Sở KH&ĐT;
- Sở Xây dựng;
- TT.Huyện ủy;
- UBND huyện;
- ĐB.HĐND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- LĐVP & CVVP;
- TT.HĐND các xã, thị trấn;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VP.HĐND-UBND huyện (01).T(110).

CHỦ TỊCH



Trần Văn Tiên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU

PHỤ BIỂU

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2018 (Nguồn vốn: XD CB - NS huyện)

(Kèm theo Nghị quyết số 83 /2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện)

ĐVT: triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH / DỰ ÁN	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của DA	MSDA	Năng lực thiết kế	QB phê duyệt BC KTKT	KC-HT	Khả năng TMĐT	Lấy kế vốn đã bố trí đến	Kế hoạch vốn 2018	Tỷ lệ cơ cấu vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	TỔNG CỘNG	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Công trình ngành giáo dục							79,387	11,430	39,140			
I	Công trình chuyển tiếp							5,566	2,070	3,000			
								2,921	2,070	568			
a	Trường MN Suối Ngõ, HM: XM khởi VP	xã Suối Ngõ	Kho bạc NN huyện TC	7602738	XM phòng làm việc DT 58,6m ²	5241a/QĐ-UB 28/10/2016	2017	259	200	48	Huyện 100%	P.GD&ĐT	
b	Trường TH Suối Dây B	xã Suối Dây	Kho bạc NN huyện TC	7602740	XM khởi phòng chức năng DT 265,6m ²	5213a/QĐ-UB 28/10/2016	2017	2,662	1,870	520	Huyện 100%	P.GD&ĐT	
2	Công trình khởi công mới							2,645	-	2,432			
a	Trường TH Suối Dây A	Suối Dây	Kho bạc NN huyện TC	7657915	6 phòng học lâu + khu vệ sinh	4074/QĐ-UB 24/10/2017	2018	2,645		2,432	Vốn NS huyện (khoảng 3 tỷ/năm)	Ban QLDA	
II	Đối ứng công trình NTM							27,028	2,290	4,600			
I	Công trình chuyển tiếp							19,313	2,290	2,425			
a	Thu.47T (Đường nội đồng tổ 9 - ấp Tân Tây)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	Sỏi 334m	2515a/QĐ-UB 29/10/2015	2017	399	41	30	Tỉnh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	Ctr ĐK vốn vay tín dụng 2016
b	THU.86A (đường nội đồng ấp Tân Trung A)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	Sỏi 334m	2515a/QĐ-UB 29/10/2015	2017	1,494	179	95	Tỉnh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	Ctr ĐK vốn vay tín dụng 2016
c	Thu.85Th (trước nhà Ông Châu, ấp Tân Thanh)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	Sỏi 334m	2515a/QĐ-UB 29/10/2015	2017	656	66	61	Tỉnh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	Ctr ĐK vốn vay tín dụng 2016
d	Thu.63L (Đường tổ 6 - ấp Tân Lợi)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	Sỏi 334m	2515a/QĐ-UB 29/10/2015	2017	660	66	61	Tỉnh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	Ctr ĐK vốn vay tín dụng 2016
e	Thu.03NT (Lô 3 ấp Tân Tây)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	Sỏi 334m	2515a/QĐ-UB 29/10/2015	2017	753	77	68	Tỉnh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	Ctr ĐK vốn vay tín dụng 2016
f	THU.82TH (Đường nội đồng ấp Tân Thanh)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	Sỏi 334m	2515a/QĐ-UB 29/10/2015	2017	1,535	154	140	Tỉnh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	Ctr ĐK vốn vay tín dụng 2016
g	Thu.01NT (Nối đồng ấp Tân Tây)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	Sỏi 334m	2515a/QĐ-UB 29/10/2015	2017	927	95	90	Tỉnh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	Ctr ĐK vốn vay tín dụng 2016



STT	TÊN CÔNG TRÌNH / DỰ ÁN	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của DA	MSDA	Năng lực thiết kế	QĐ phê duyệt BC KTKT	KC-HT	Khái toán TMDT	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2017	Kế hoạch vốn 2018	Tỷ lệ cơ cấu vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
h	THU.57Đ (Đường nội đồng cấp kênh VD6.1)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	7608228	Sỏi đỏ, dài 1.223,8m	4982/QĐ-UB 14/10/2016	2017	1,693	180	261	Tỉnh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
i	Thu.34 (Đường nội đồng tổ 12 (ấp Tân Đông))	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	7608224	Sỏi đỏ, dài 938,74m	4918/QĐ-UB 14/10/2016	2017	1,164	129	191	Tỉnh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
j	THU.88Đ (Đường nội đồng ấp Tân Đông)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	7608504	Sỏi đỏ	4996/QĐ-UB 18/10/2016	2017	785	89	100	Tỉnh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
k	Thu.55A (Đường tổ 6 ấp Tân Trung A)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	7609151	Sỏi đỏ, dài 923m	5015/QĐ-UB 20/10/2016	2017	1,039	344	168	Tỉnh 40% + huyện 50%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
l	THU.17 (Đường nội đồng ấp Tân Trung A)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	7608212	Sỏi đỏ, dài 908,31m	5040/QĐ-UB 20/10/2016	2017	1,806	208	283	Tỉnh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
m	Thu.02NT (Đường nội đồng ấp Tân Tây)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	7558341	Sỏi đỏ, dài 1.923,19m	2553/QĐ-UB 30/10/2015	2017	2,461	251	436	Tỉnh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
n	Thu.15NA (Nội đồng Tân Trung A)	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	7607931	Sỏi đỏ, dài 997m	4998/QĐ-UB 18/10/2016	2017	1,443	161	240	Tỉnh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
o	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Tân Đông, xã Tân Hưng	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	7560278	DT 117,6m2	2465a/QĐ-UB 29/10/2015	2017	500	50	40	Tỉnh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
p	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	7560551	DT 117,6m2	2519a/QĐ-UB 29/10/2015	2017	500	50	40	Tỉnh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
q	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Tân Trung A, xã Tân Hưng	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	7560553	DT 117,6m2	2513a/QĐ-UB 29/10/2015	2017	500	50	40	Tỉnh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
r	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Tân Trung B, xã Tân Hưng	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	7560281	DT 115,31m2	2518a/QĐ-UB 29/10/2015	2017	500	50	40	Tỉnh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
s	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Tân Tây, xã Tân Hưng	xã Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	7560279	DT 117,6m2	2521a/QĐ-UB 29/10/2015	2017	500	50	41	Tỉnh 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
2	Công trình khởi công mới 2018							7,715	-	2,175	Tỉnh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
a	Năng cấp đường TAH.24	Tân Hà	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	CPSĐ, mặt 5m, dài 3.160m	3851/QĐ-UB 05/10/2017	2018	2,484		670	Tỉnh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
b	Năng cấp đường TAH.23	Tân Hà	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	NC CPSĐ, mặt 5m, dài 2.002m	3878/QĐ-UB 09/10/2017	2018	517		140	Tỉnh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
c	Năng cấp đường TAH.21	Tân Hà	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	CPSĐ, mặt 5m, dài 2.035m	3849/QĐ-UB 05/10/2017	2018	1,705		460	Tỉnh 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH / DỰ ÁN	Địa điểm XD	Địa điểm mới tại khoản của DA	MSDA	Năng lực thiết kế	QB phê duyệt BC KTKT	KC-HT	Khái toán TMBT	Lũy kế vốn đã bỏ trí đến 31/12/2017	Kế hoạch vốn 2018	Tỷ lệ cơ cấu vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
d	Nâng cấp đườngTAH.12	Tân Hà	Kho bạc NN huyện TC		CPSD, mặt 5m, dài 556m	3804/QĐ-UB 28/9/2017	2018	530		140	Tính 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
e	Nâng cấp đườngTAH.19	Tân Hà	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	CPSD, mặt 5m, dài 395m	3853/QĐ-UB 05/10/2017	2018	433		115	Tính 60% + huyện 30%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
f	SC nâng cấp nhà văn hóa - khu thể thao ấp Tân Kiên	Tân Hà	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	SC nâng cấp NVH 145m2, mái che, vệ sinh, thiết bị	3964/QĐ-UB 17/10/2017	2018	250		45	Tính 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
g	SC nâng cấp nhà văn hóa - khu thể thao ấp Tân Dũng	Tân Hà	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	SC nâng cấp NVH 145m2, mái che, vệ sinh, thiết bị	3965/QĐ-UB 17/10/2017	2018	221		40	Tính 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
h	Xây mới nhà văn hóa - khu thể thao ấp Tân Cường	Tân Hà	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	NVH 145m2, vệ sinh, thiết bị	4100/QĐ-UB 26/10/2017	2018	527		95	Tính 70% + huyện 20%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
i	Đường sỏi đỏ KDC Bó Két, xã Tân Hưng	Tân Hưng	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	CPSD, mặt 5m, dài 1.387m	3874/QĐ-UB 06/10/2017	2018	1.048		470	Tính 40% + huyện 50%+ xã và VD 10%	Ban QLDA	
III	Công trình ngành khác							46.793	7.070	24.349			
I	Công trình chuyển tiếp							9.933	7.070	2.495			
a	Sửa chữa nhà ăn và nhà khách UBND huyện	Thị trấn TC	Kho bạc NN huyện TC	7612133	Cải tạo nhà ăn, khu nhà khách lầu 1, lằng mái...	5212/QĐ-UB 29/10/2016	2017	1.354	765	555	Huyện 100%	Ban QLDA	
b	Sửa chữa các hạng mục trong khuôn viên Huyện ủy	Thị trấn TC	Kho bạc NN huyện TC	7611114	SC Nhà làm việc Huyện Ủy, Khối Văn, ...	5223/QĐ-UB 28/10/2016	2017	3.306	3.230	37	Huyện 100%	Ban QLDA	
c	Sửa chữa trụ sở UBND huyện	Thị trấn TC	Kho bạc NN huyện TC	7614193	Cải tạo NVL, sân nền, hệ thống điện nước	5221/QĐ-UB 28/10/2016	2017	4.506	2.545	1.694	Huyện 100%	Ban QLDA	
d	Nhà ở choit dân quân Mũi Mội	xã Tân Đông	Kho bạc NN huyện TC	7611115	Nhà ở DT 112m2, Nhà ăn DT 78,8m2	5222/QĐ-UB 29/10/2016	2017	767	530	209	Huyện 100%	Ban QLDA	
2	Công trình khởi công mới 2018							36.860	-	21.854			
a	XD Vĩa hè và SC đường DH 812 (Điểm đầu nối đg 785, điểm cuối qua chợ Tân Đông đến hết ranh chợ)	Tân Đông	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	BT đá 1x2 vĩa hè dày 4cm, thoát nước. Dầm vĩa, lằng nhựa dài 580m, rộng 5m	4205/QĐ-UB 27/10/2017	2018	8.699		7.920	Vốn NS huyện	Ban QLDA	
b	NVL Công an + xã đội Tân Hà	Tân Hà	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	Xây mới NVL CA 272,65m2, xây bổ sung NVL XD 256,42m2	4075/QĐ-UB 24/10/2017	2018	3.049		1.500	Vốn NS huyện HT tới đa 1,5 tỷ đồng + NS xã + VD	Ban QLDA	
c	Hệ thống mương thoát nước phía thượng nguồn Trường tiểu học Suối Ngõ C	Suối Ngõ	Kho bạc NN huyện TC		Dài 126,5m, mương bờ BTCT 0,7m*1m	3908/QĐ-UB 12/10/2017	2018	484		435	Vốn NS huyện	Ban QLDA	



STT	TÊN CÔNG TRÌNH / DỰ ÁN	Địa điểm XD	Địa điểm mở tài khoản của DA	MSDA	Năng lực thiết kế	QĐ phê duyệt BC KTKT	KC-HT	Khái toán TMBT	Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2017	Kế hoạch vốn 2018	Tỷ lệ cơ cấu vốn	Chủ đầu tư	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
d	Nhà ăn, nhà vệ sinh, cổng hàng rào Công an huyện	Thị trấn	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	Nhà ăn, vệ sinh, cổng hàng rào mặt trước	4206/QĐ-UB 27/10/2017	2018	1,829		1,710	Vốn NS huyện	Ban QLDA	
e	Hạ tầng Chợ Suối Dây	Suối Dây	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	Nhà lồng, 72 sạp 630m2, 58 ki ốt, PCCC - trạm điện, NLV BQL 37,6m3, nhà vệ sinh 50m2, nhà xe 45m2, đg nội bộ, bồn hoa - cây xanh, hệ thống xử lý nước sinh hoạt.	4114/QĐ-UB 26/10/2017	2018-19	14,960		3,000	Vốn NS huyện HT tối đa 3 tỷ đồng + NS xã + VĐ	Ban QLDA	
f	Công trình phổ thông chốt dân quân Mũi mọt	Tân Đông	Kho bạc NN huyện TC		Bổ sung phương tiện cơ động, văn hóa tinh thần, TTLL quan sát	360d/QĐ-BQL 25/10/2017	2018	39		39	Vốn NS huyện	Ban QLDA	
g	Công trình phổ thông chốt dân quân Cầu Sài Gòn I	Tân Hòa	Kho bạc NN huyện TC		Công trình phổ thông (NLV 116m2, bếp + nhà ăn, sân nền gạch terrazzo 40x40, chống sét, trang thiết bị phục vụ phương tiện cơ động, văn hóa tinh thần, thông tin liên lạc, quan sát)	4112/QĐ-UB 26/10/2017	2018	1,230		1,105	Vốn NS huyện	Ban QLDA	
h	Công trình phổ thông chốt dân quân Đông Hà	Tân Đông	Kho bạc NN huyện TC		Công trình phổ thông (NLV 116m2, bếp + nhà ăn, sân nền gạch terrazzo 40x40, chống sét, trang thiết bị phục vụ phương tiện cơ động, văn hóa tinh thần, thông tin liên lạc, quan sát)	4115/QĐ-UB 26/10/2017	2018	1,218		1,095	Vốn NS huyện	Ban QLDA	
i	Xây mới nhà làm việc phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.	Thị trấn	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	Xây mới trụ sở làm việc, các công trình phụ trợ nhà để xe, hàng rào, cổng và trang thiết bị khác	4208/QĐ-UB 27/10/2017	2018	3,822		3,600	Vốn NS huyện	Ban QLDA	
j	Chỉnh trang khuôn viên trụ sở Huyện Ủy	Thị trấn	Kho bạc NN huyện TC	8E+06	LĐ camera an ninh, cây kiểng, bồn hoa, hòn non bộ, đĩa trần nước, sân tennis, thiết bị	4207/QĐ-UB 27/10/2017	2018	1,530		1,450	Vốn NS huyện	Ban QLDA	
IV	Danh dự phòng chờ thanh QT + đối ứng CTSSCD + đối ứng công trình NTM phát sinh									3,171	- Đối ứng 50% 2 công trình SSCD là 1,200 triệu đồng (chốt dân quân cầu SG II TMBT là 734 trđ; chốt dân quân suối tre TMBT là 1,634 trđ) - Đối ứng 04 công trình NTM không thuộc các xã điểm khi được tỉnh thẩm định nguồn vốn		
V	Chuẩn bị đầu tư									600			
VI	Quy phát triển đất									2,420			
VII	Phân cấp Thị trấn									1,000			